

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 111/2024/DS-ST
Ngày 04/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
căn hộ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thanh Trúc.
- Bà Lê Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 559/2024/QĐXX-ST ngày 22/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 635/2024/QĐST-DS ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** ông Nguyễn Phát T - sinh năm 1985

Địa chỉ: T1, N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Ngô Hoài N - sinh năm 2000. Địa chỉ: Văn phòng S.39, D B, Phường V, Quận C, TP .. (Giấy uỷ quyền ngày 12/9/2023).

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần S1. Trụ sở: C8, ấp E đường N, xã P, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc H – Chức vụ: giám đốc. (Vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Quốc H - sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: : 5 T, Phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2023 và các biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Phát T ủy quyền cho ông Ngô Hoài N trình bày:

Ngày 19/03/2018 ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1 (SGHA) có ký kết thoả thuận đặt cọc số D215/2018/SGHA để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini ông T đưa 30.000.000 đồng (theo Phiếu thu ngày 19/3/2018). Ngày 23/03/2018 ông Nguyễn Phát T và Công ty S2 ký kết Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA với thoả thuận nhượng quyền sở hữu căn hộ mini trong dự án Khu nhà ở cao cấp Sài Gòn H do Công ty S2 phát triển trong thời hạn 20 năm đã đưa 200.000.000 đồng (theo Phiếu thu ngày 23/3/2018) và số tiền 47.000.000 đồng (theo Phiếu thu ngày 23/3/2018) đã đưa tổng cộng là 277.000.000 đồng cho Công ty S2.

Ngày 12/03/2019, Công ty S2 vi phạm nghĩa vụ bàn giao căn hộ nên ông Nguyễn Phát T có Đơn đề nghị thanh lý hợp đồng. Ông Trần Quốc H, đại diện Công ty S2 cam kết đến ngày 30/08/2019, Công ty sẽ hoàn trả lại 100% số tiền và tiền phạt. Ngày 26/08/2019, ông Trần Quốc H có Giấy cam kết cá nhân nợ để cam kết trả nợ theo 02 đợt: Đợt 1: Từ ngày 15/09/2019 đến ngày 25/09/2019, thanh toán 30% giá trị hợp đồng. Đợt 2: Từ ngày 15/11/2019 đến ngày 25/11/2019 thanh toán 100% giá trị còn lại (trương đương 70% giá trị hợp đồng và lãi, gốc). Đồng thời, đến hạn thanh toán mà không thanh toán được thì ông H chịu phạt gấp đôi theo mỗi đợt thanh toán.

Sau đó, Công ty S2 thực hiện việc thanh toán như sau: Ngày 23/09/2019: thanh toán 55.400.000 đồng; Ngày 24/10/2019: thanh toán 27.700.000 đồng; Ngày 23/11/2019: thanh toán 38.780.000 đồng; Ngày 29/04/2020: thanh toán 10.000.000 đồng. Tổng cộng là: 131.880.000 đồng, đến nay, Công ty S2 vẫn còn nợ là 145.120.000 đồng.

Tại tòa đại diện cho ông Nguyễn Phát T yêu cầu buộc Công ty Cổ phần S1 thanh toán thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ là 145.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) phát sinh từ việc thanh lý Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H do Công ty S2 ngày 23/3/2018 ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1. Đồng thời đến hạn nghĩa vụ thanh toán của Công ty Cổ phần S1 không trả số nợ nêu trên thì ông Trần Quốc H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 145.120.000 (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn) theo Giấy cam kết cá nhân nợ ngày 26/08/2019.

Ngoài ra ông Nguyễn Phát T không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện (kể từ ngày Công ty Cổ phần S1 chậm theo cam kết cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật) nhưng kể từ ngày ông Nguyễn Phát T có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Công ty

Cổ phần S1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng mức lãi theo quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Bị đơn Công ty Cổ phần S1 không có phần trình bày do bị đơn không đến Tòa án tiến hành các thủ tục tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nghe xét xử vụ án. Mặc dù đã tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H không có phần trình bày do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án tiến hành các thủ tục tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nghe xét xử vụ án. Mặc dù đã tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn Công ty Cổ phần S1 thanh toán thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ là 145.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) phát sinh từ việc thanh lý Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H do Công ty S2 ngày 23/3/2018. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thực (kể từ ngày Công ty Cổ phần S1 chậm theo cam kết cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật) nhưng kể từ ngày ông Nguyễn Phát T có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Công ty Cổ phần S1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng mức lãi theo quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án ông Nguyễn Phát T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần S1 thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ là 145.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) phát sinh từ việc thanh lý Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H do Công ty S2 ngày 23/3/2018 ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1. Đây là tranh chấp số tiền còn nợ là 145.120.000 đồng phát sinh từ việc thanh lý Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H ngày 23/3/2018, Công ty Cổ phần S1 cư trú tại huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng bị đơn Công ty Cổ phần S1 và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H đến Tòa án để giải quyết, xét xử nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không đến, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Phát T yêu cầu Công ty Cổ phần S1 thanh toán thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ là 145.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) phát sinh từ việc thanh lý Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H do Công ty S2 ngày 23/3/2018 ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1. Đồng thời đến hạn nghĩa vụ thanh toán của Công ty Cổ phần S1 không trả số nợ nêu trên thì ông Trần Quốc H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 145.120.000 (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn) theo Giấy cam kết cá nhân nợ ngày 26/08/2019. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Thỏa thuận đặt cọc số D215/2018/SGHA để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini ông T đưa 30.000.000 đồng (theo Phiếu thu ngày 19/3/2018); Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA ngày 23/3/2018 có phiếu thu tiền 200.000.000 đồng (theo Phiếu thu ngày 23/3/2018) và phiếu thu tiền 47.000.000 đồng (theo Phiếu thu ngày 23/3/2018); Đơn đề nghị thanh lý hợp đồng ngày 12/03/2019 giữa ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1; Giấy cam kết cá nhân nợ để cam kết trả nợ ngày 26/08/2019 của ông Trần Quốc H.

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Nhưng bị đơn Công ty Cổ phần S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H đều không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản đối các chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ do đó Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá chứng cứ nêu trên.

[2.2] Ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1 giao kết Thỏa thuận đặt cọc số D215/2018/SGHA và Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H ngày 23/3/2018 với số tiền ông Nguyễn Phát T đưa cho Công ty Cổ phần S1 là 277.000.000 đồng gồm 3 phiếu thu (Phiếu thu ngày 19/3/2018 số tiền 30.000.000 đồng); (Phiếu thu ngày 23/3/2018 số tiền 200.000.000 đồng) và (Phiếu thu ngày 23/3/2018 số tiền 47.000.000 đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1 chấm dứt không thực hiện hợp đồng mua nhà tại Đơn đề nghị thanh lý hợp đồng ngày 12/03/2019 giữa ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1 thể hiện chấm dứt phía Công ty Cổ phần S1 có ông Trần Quốc H đại diện pháp luật cam kết trả

100% tiền đã nhận (tương ứng 277.000.000 đồng), đồng thời cá nhân ông Trần Quốc H cũng cam kết bảo lãnh khoản nợ của Công ty theo Giấy cam kết cá nhân nợ để cam kết trả nợ ngày 26/08/2019. Phía ông Nguyễn Phát T thừa nhận Công ty Cổ phần S1 thực hiện việc thanh toán vào ngày 23/09/2019 số tiền 55.400.000 đồng; Ngày 24/10/2019 số tiền 27.700.000 đồng; Ngày 23/11/2019 số tiền 38.780.000 đồng; Ngày 29/04/2020 số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng đã thanh toán 131.880.000 đồng, còn nợ 145.120.000 đồng.

[2.3] Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1 hủy bỏ Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H ngày 23/3/2018 theo Đơn đề nghị thanh lý hợp đồng ngày 12/03/2019 phù hợp hủy bỏ hợp đồng theo Điều 423 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Hội đồng xét xử căn cứ hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng theo Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Phát T buộc Công ty Cổ phần S1 thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ là 145.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) phát sinh từ việc hủy bỏ Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H ngày 23/3/2018.

[2.5] Hội đồng xét xử căn cứ Giấy cam kết cá nhân nợ để cam kết trả nợ ngày 26/08/2019 của ông Trần Quốc H phù hợp Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.*”. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn đến hạn nghĩa vụ thanh toán của Công ty Cổ phần S1 không trả số nợ nêu trên thì ông Trần Quốc H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 145.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) theo Giấy cam kết cá nhân nợ ngày 26/08/2019.

[2.6] Hội đồng xét xử ghi nhận ông Nguyễn Phát T không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện (kể từ ngày Công ty Cổ phần S1 chậm theo cam kết cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật). Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp chủ động thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (trường hợp thi hành theo đơn yêu cầu) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016. Xét án phí dân sự sơ thẩm bị đơn Công ty Cổ phần S1 có giá ngạch 7.256.000 đồng do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn mà buộc bị đơn phải trả lại cho ông Nguyễn Phát T số tiền 145.120.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 91; Điều 147; Điều 184; Điều 192; Điều 217; Điều 225; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 423; Điều 427; Điều 335; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 31/12/2016.

1. Ghi nhận ông Nguyễn Phát T và Công ty Cổ phần S1 hủy bỏ Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H ngày 23/3/2018 theo Đơn đề nghị thanh lý hợp đồng ngày 12/03/2019.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty Cổ phần S1 thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ là 145.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) phát sinh từ việc hủy bỏ Hợp đồng nhượng quyền sử dụng căn hộ mini số: CH D215/2018/SGHA trong dự án Khu nhà ở Sài Gòn H ngày 23/3/2018. Thi hành tại cơ quan thi hành án.

Ghi nhận ông Nguyễn Phát Tính L không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện (kể từ ngày Công ty Cổ phần S1 chậm theo cam kết cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp chủ động thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (trường hợp thi hành theo đơn yêu cầu) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trong trường hợp đến hạn trả tiền mà bị đơn Công ty Cổ phần S1 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì ông Trần Quốc H có nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Phát T thay cho Công ty Cổ phần S1 theo Giấy cam kết cá nhân nợ ngày 26/08/2019.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.256.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng) nộp nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Phát T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Phát T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.628.000 đồng theo biên lai

thu tiền số AA/2023/0007518 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Huyện Nhà Bè
- Thi Hành Án huyện Nhà Bè
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp ...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hồng